

NGÔN NGỮ VÀ VĂN CHƯƠNG

**PHỐI HỢP NGỮ - CÁC HÌNH THỨC VẬN DỤNG
(KHẢO SÁT QUA MỘT SỐ TÁC PHẨM VĂN CHƯƠNG)****NGUYỄN VĂN NỞ***

TÓM TẮT: Trong vận dụng ngôn ngữ, nhằm nhấn mạnh nội dung hay thể hiện những cảm xúc, suy nghĩ, tình cảm với nhiều cung bậc, dạng thức, góc độ khác nhau ở cùng một đối tượng, chúng ta thường huy động nhiều từ cùng nghĩa hoặc gần nghĩa. Cách vận dụng như thế được gọi là biện pháp đồng nghĩa kép hay là phối hợp từ. Việc vận dụng phối hợp nhằm mục đích nói trên không chỉ diễn ra ở cấp độ từ mà còn ở cấp độ cao hơn. Đó là phối hợp thành ngữ và tục ngữ mà chúng tôi gọi là *phối hợp ngữ*. Khi sáng tác, các nhà văn cũng thường vận dụng biện pháp này. Hình thức phối hợp thành ngữ, tục ngữ trong tác phẩm văn chương khá đa dạng, linh hoạt. Có trường hợp các thành ngữ, tục ngữ được dùng không cùng nghĩa, gần nghĩa nên chúng tôi không gọi là đồng nghĩa kép thành ngữ, tục ngữ mà là *phối hợp ngữ*.

TỪ KHÓA: phối hợp ngữ; vận dụng; thành ngữ; tục ngữ; tác phẩm văn chương.

NHẬN BÀI: 24/06/2024.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 06/09/2024

1. Đặt vấn đề

Mỗi từ ngữ khi được vận dụng chỉ mang một giá trị tu từ nhất định. Trong khi đó, người dùng có nhu cầu miêu tả, thể hiện các cung bậc cảm xúc, thái độ, tình cảm, đánh giá về một đối tượng, sự việc một cách đầy đủ nhất, trọn vẹn nhất trong khả năng có thể... Một từ không đảm đương được điều này. Do đó, chúng ta phải huy động nhiều từ ngữ cùng nghĩa hoặc gần nghĩa nhằm mục đích biểu đạt được nội dung, ý tình mà mình muốn thể hiện. Cách vận dụng như thế được gọi là biện pháp đồng nghĩa kép hay là phối hợp từ. Biện pháp tu từ này được Cù Đình Tú định nghĩa như sau: “*Đồng nghĩa kép là cách tu từ trong đó người ta dùng phối hợp nhiều từ ngữ cùng nghĩa hoặc gần nghĩa nhằm mục đích biểu hiện đầy đủ các phương diện khác nhau của cùng một đối tượng hoặc của cùng một nội dung trình bày*”. (Cù Đình Tú, 1983, tr.312). Nguyễn Thái Hòa thì giải thích: “*Đồng nghĩa kép là biện pháp tu từ xếp đặt các từ đồng nghĩa hay gần nghĩa liên tiếp trong một phát ngôn hay một đoạn văn nhằm bổ sung ý nghĩa, gây ấn tượng mạnh hay tạo điểm nhấn thông tin*” (Nguyễn Thái Hòa, 2006, tr.71). Còn Đinh Trọng Lạc thì quan niệm: “*Đồng nghĩa kép là biện pháp tu từ trong đó người dùng hai hay nhiều từ đồng nghĩa để diễn đạt một ý nghĩa giống nhau nào đó, nhằm nêu đặc trưng của đối tượng một cách đầy đủ nhất*”. (Đinh Trọng Lạc, 2012, tr.134). Khảo sát một số tác phẩm văn chương, chúng tôi nhận thấy các tác giả còn vận dụng phối hợp các đơn vị ngôn ngữ ở cấp độ cao hơn. Đó là vận dụng phối hợp thành ngữ, tục ngữ: “*Biện pháp này cũng có thể xuất hiện qua việc vận dụng nhiều thành ngữ hoặc tục ngữ có cùng một nội dung ý nghĩa vừa làm cho câu nói có vần điệu, vừa tăng thêm giá trị biểu đạt*”. (Nguyễn Văn Nở, 2012, tr.157). Cách dùng này khá linh hoạt, có giá trị biểu đạt cao và phần nào thể hiện phong cách nói năng có vần có điệu của người Việt. Đó có thể là vận dụng phối hợp thành ngữ, tục ngữ đồng nghĩa, gần nghĩa mà cũng có thể không tương đồng nhưng cùng với mục đích nhấn mạnh, bày tỏ một quan niệm triết lý nào đó hoặc biểu đạt đầy đủ các trạng thái cảm xúc, ý tình và làm tăng thêm sức thuyết phục... Biện pháp này chúng tôi gọi là *phối hợp ngữ* (Chúng tôi không gọi là *đồng nghĩa kép thành ngữ, tục ngữ* vì có trường hợp các thành ngữ, tục ngữ được tác giả vận dụng không cùng hoặc gần nghĩa).

2. Các hình thức vận dụng phối hợp ngữ**2.1. Vận dụng phối hợp thành ngữ**

*PGS.TS; Trường Đại học Cần Thơ; Email: nvno@ctu.edu.vn

Cách vận dụng này có hai dạng: (1) thành ngữ được dùng trong ngữ cảnh có cùng nghĩa hoặc gần nghĩa; (2) thành ngữ được dùng trong ngữ cảnh không tương đồng về nghĩa nhưng sự phối hợp ở đây cũng góp phần biểu đạt nội dung, cùng một chủ đề nên có thể xem như biến thể của dạng này.

2.1.1. Vận dụng phối hợp thành ngữ có cùng nghĩa hoặc gần nghĩa

Đây là dạng phổ biến nhất. Các tác giả vận dụng những thành ngữ cùng nghĩa, gần nghĩa với nhiều mục đích. Bằng cách sử dụng phối hợp các thành ngữ dạng này, người viết muốn nhấn mạnh tính chất, trạng thái, hành động... cần diễn đạt. Ví dụ như ngữ cảnh:

(1) “Ở gần nhau gần mười năm không biết chỗ ở của nhau. Phải chi hồi đó ông không biết tới mấy như vậy trong những lúc qua lộ, chống càn, đào hầm, bảo vệ...thì đỡ biết mấy.

- Chuyện qua rồi, nhắc lại chỉ cho buồn, ba ơi!

- Phải nhắc chứ mấy. Nhắc cho những thằng **hữu thủy vô chung, ăn cháo đập nồi** đó nó nhớ, nó thức tỉnh lương tâm cộng sản lại”.

(Anh Động, Tiếng bước chân)

Trong ngữ cảnh trên, tác giả đã vận dụng phối hợp hai thành ngữ “**hữu thủy vô chung**”, “**ăn cháo đập nồi**”. Trước khi dùng, tác giả để cho nhân vật nói những câu trách móc, kể tội nhân vật. Hai thành ngữ, một gốc Hán, một thuần Việt cải biến (từ thành ngữ “**ăn cháo đá bát**”) khi đặt cạnh nhau đã nhấn mạnh hơn sự tức giận của người cha (ông Hai) trước thái độ vong ơn, bội nghĩa, không có trước có sau của nhân vật Tư Nhâm.

(2) “Ôi, em yêu quý suốt đời của anh...Chỉ còn có em thôi, em là hậu phương bao la đôn hậu nhất trên đời... Chúng nó đối xử với anh như một lũ **vắt chanh bỏ vỏ, ăn cháo đá bát**”.

(Trúc Phương, Tình biển)

Hai thành ngữ “**vắt chanh bỏ vỏ**”, “**ăn cháo đá bát**” thể hiện cao độ sự bất mãn, đau khổ, phẫn uất của Công khi từng làm đủ chiêu trò để được thăng tiến nhưng chính những chiêu trò, thủ đoạn, mảnh khốc đó đã làm anh ta mất tất cả.

(3) “Ông có biết không, vợ tôi vì thiếu thuốc men mà chết để lại cho tôi hai con nhỏ. Đứa lớn mới tám tuổi mà phải theo cha lặn lội **làm mướn làm thuê**, mò cua bắt ốc để nuôi em nhỏ mới lên năm. Vậy mà **com không no áo không lành**, thường xuyên **ăn cháo**”.

(Nguyễn Thị Thanh Huệ, Chiều muộn)

Ở đây, với sự vận dụng phối hợp hai thành ngữ “**làm mướn làm thuê**” và “**com không no, áo không lành**”, tác giả đã nêu bật sự lao động vất vả, đơn chiếc, nghèo khó của người đàn ông sống cảnh gà trống nuôi con. Nỗi niềm tâm sự của nhân vật tuy ngắn gọn nhưng vẫn diễn tả chân thành, xúc động hoàn cảnh khốn khó, đầy xót xa, thương cảm của gia đình mình.

(4) “Không thấy lão xuất hiện, bác Lâm rất lo sợ cho lão. Và đồng thế này thật là bất lợi cho những cuộc đời **cầu bơ cầu bắt**. Biết đâu lão đã “**thăng cẳng**” ở một bụi rậm, bờ hoang, **đầu đường xó chợ** nào rồi. Biết đâu được. Phù du cả mà!”

(Nguyễn Thị Thanh Huệ, Chiều muộn)

Trong suy nghĩ của bác Lâm, số phận hẩm hiu, cô độc của lão ăn mày hiện lên thật tội nghiệp. Việc phối hợp hai thành ngữ “**cầu bơ cầu bắt**”, “**đầu đường xó chợ**” cùng với những từ ngữ **thăng cẳng, bụi rậm, bờ hoang, phù du** vừa nhấn mạnh cuộc sống hiện tại của lão ăn mày vừa như tiên đoán một kết thúc thật buồn nhưng có lẽ đó cũng là sự giải thoát cho một kiếp người.

(5) “Trong vũ trụ, đẹp nhất là hoa. Nhụy hoa được loài ong hút về, tạo ra chất tinh khiết, xứng đáng cho chúng ta xe lại làm cây đèn sáp để đọc sách hoặc cúng vái thần thánh. Con ong lại là **ông Tơ bà Nguyệt**, là **lá thắm chỉ hồng**, đem nhụy bông đực rắc vô lòng bông cái”

(Sơn Nam, Cái tổ ong)

“**Ông Tơ bà Nguyệt**” và “**lá thắm chỉ hồng**” là hai thành ngữ cùng nghĩa chỉ người se duyên, về nhân duyên tiền định của chuyện vợ chồng. Nhưng trong ngữ cảnh này, tác giả lại dùng để tái hiện

lời nói của nhân vật Minh khi bàn về mối quan hệ của “ong” với “hoa”. Câu nói và thành ngữ được dùng có vẻ như không liên quan gì với chủ đề đang bàn đến. Mà người nói lại còn lớn tiếng, cao giọng! Thì ra, điều anh ta quan tâm, hướng đến không phải người đôi thoại mà là bóng hồng đang hóng chuyện ở nhà trong! Và có lẽ, vốn đã có tình ý, con gái ông Tư không khó để nhận ra.

Sơn Vương cũng là nhà văn vận dụng khá nhiều biện pháp nghệ thuật này trong tác phẩm. Ví như:

(6) “...*Nhưng cả gia đình này đều “xác nhận” coi tôi là kẻ “ân nhân”, nghĩa là nếu không có tôi cho ra đời loại sách “bỏ túi” hợp với thời cơ, để họ từ một gia đình khốn khổ nhất trần đời, được có phương tiện vượt lên tới hàng triệu phú, thì họ phải sống với cuộc đời **khố rách áo ôm, bữa no bữa đói** mà thôi...*”

(Sơn Vương, Bán buôn mua vui)

Hai thành ngữ “*khố rách áo ôm*” và “*bữa no bữa đói*” dùng để chỉ những người nghèo khổ, không có nhà cửa, chẳng ruộng vườn, sống lây lất, đói rách. Dùng phối hợp hai thành ngữ trên, tác giả không nhằm chỉ cảnh cơ cực, bần hàn của những người cùng khổ mà để nhấn mạnh: chính nhờ việc làm của mình mà họ - những người *khố rách áo ôm, bữa no bữa đói* - đã có cơ hội đổi đời, thành đạt.

Có khi tác giả còn sử dụng phối hợp ba thành ngữ trong cùng một câu:

(7) “*Sự trung thành ấy là nguồn an ủi quý nhất của người chủ cũ nghèo nàn. Chỉ vì nó là một loài vật bốn chân, nếu không mấy ai nhận thấy cái “tốt” của nó. Nhưng sự trung thành của loài chó, hỏi trên đời được có mấy ai? Trong khi loài người có nhiều kẻ mang tiếng **lừa thầy phản bạn, phản động, phản dân hại nước, vong ân bội nghĩa** đủ thứ...*”

(Sơn Vương, Bán buôn mua vui)

Tác giả ca ngợi sự trung thành của loài chó nhưng chủ yếu qua đó để phê phán, miệt thị những kẻ xấu xa, lừa lọc, phản trắc. Sự phối hợp ba thành ngữ “*lừa thầy phản bạn*”, “*phản dân hại nước*”, “*vong ân bội nghĩa*” cho thấy thái độ căm ghét của Sơn Vương đối với những hạng người như thế.

Bằng cách sử dụng phối hợp các thành ngữ, tác giả muốn nhấn mạnh nội dung ý nghĩa mà mình cần diễn đạt. Chẳng hạn như ngữ cảnh:

(8) “*...thà chịu án tử hình, chứ không chịu để cho ním ruột của mình (tức hoàng tử Hội An) đi làm con tin cho giặc, để rồi muôn năm về sau lịch sử sẽ bi truyền về cái tội **công rắn cắn gà nhà, rước voi dầy mỡ ông vãi**...*”

(Sơn Vương, Hồi kí Quần đảo Côn Sơn - Máu hòa nước mắt II)

Hai thành ngữ “*công rắn cắn gà nhà*”, “*rước voi dầy mỡ ông vãi*” (biến thể của “*rước voi giày má tổ*”) đều cùng nghĩa chỉ hành động phản bội Tổ quốc, hại nước hại dân.

Trong ngữ cảnh dưới đây, việc vận dụng phối hợp thành ngữ đã góp phần nhấn mạnh nội dung được nói đến về đạo vợ chồng. Thành ngữ Hán Việt “*phu xướng phụ tùy*” và “*bách niên giai lão*” có cùng trường nghĩa nói về việc vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc trọn đời bên nhau.

(9) “*Cậu Võ Văn Đệ là dân có học, đậu bằng cấp sơ học, còn cô Trần Thị Sánh tuy thi rớt, song học cũng khá mà lại có nhan sắc, đã vậy mà hai người bằng lòng thương nhau, tuổi tác cũng là tốt, nên ông Cả kể chắc rằng vợ chồng cháu ông sẽ được **phu xướng phụ tùy, bách niên giai lão**...*”

(Sơn Vương, Lỡ một lần hai)

Tương tự, hai thành ngữ “*no cơm ấm áo*” và “*an cư lạc nghiệp*” phối hợp nhau nhằm miêu tả việc có chỗ ở như ý, có công ăn việc làm đủ nuôi thân là hạnh phúc của dân làng. Niềm vui có được đó là nhờ sự công bình chính trực của người có chức, có quyền, hết lòng với trách nhiệm, biết thương dân, tận tụy, lo toan cho cuộc sống an lành, ấm no cho mọi người:

(10) “*Nhờ bản tánh cần cù lao碌, thức khuya dậy sớm và rất gắng công trong việc học hành, nên Dương Lễ thi đỗ làm quan, được triều đình bổ nhiệm cho đến cai quản một địa phương kia. Nhờ sự công bình chánh trực của quan huyện Dương Lễ mà dân chúng trong vùng được **no cơm ấm áo, an cư lạc nghiệp** trong cảnh thanh bình*”.

(Sơn Vương, Bán buôn mua vui)

Để thể hiện cuộc sống không còn cơ cực, thậm chí có thể nói là khá giả, hai thành ngữ gần nghĩa “*đồng ra đồng vào*” và “*bát ăn bát để*” đã được tác giả dùng phối hợp nhằm tăng thêm sức thuyết phục của lời nói nhân vật:

(11) “*Anh chị có **đồng ra đồng vào**, **bát ăn bát để** cũng là nhờ cháu nó ở “bên kia” hỗ trợ, nên chị không quên được ơn của cô chú.*” (Lê Lựu, Hai nhà)

Dưới đây là một số ngữ liệu có hình thức vận dụng tương tự như trên:

(12) “*Có đồng tiền dư dật, người vợ không phải **giặt gấu vá vai**, **ăn bữa nay lo bữa mai**, tình cảm vợ chồng nhất định sẽ được nâng lên.*” (Lê Lựu, Hai nhà)

(13) “*Năm sau nữa cả làng được mùa khoai lang, giêng hai nhà nào cũng có khoai ăn rả rích ông truyền: **Ơn quan trên lo cho dân no đủ, bọn **khổ rách áo ôm**, **ăn xin ăn nhặt** sẽ ganh tị, ghen ghét.***” (Lê Lựu, Chuyện làng Cuội)

(14) “*Chắc thế. Nghe nói thân nhau lắm. Con **chấy cắn làm đôi**, **gắn bó keo sơn** hơn cả anh em ruột thịt*” (Lê Lựu, Hai nhà)

(15) *Anh Hiếu còn vợ thì phải bỏ mẹ. Tôi không thể mẹ con với cái người **vu oan giá họa**, **gắp lửa bỏ tay người** khác được.* (Lê Lựu, Chuyện làng Cuội)

(16) “*Nhưng trời thì cao, mà đất thì dày. Tiếng kêu của ba mẹ con mụ, dù có là **thống thiết bi ai**, có là **xé ruột xé gan**, **nát lòng nát dạ** hàng trăm người ở đầu nhà hướng về nhà mụ lặng lẽ lau thắm nước mắt thì vẫn không thể thấu lên trời cao và đất dày.*” (Lê Lựu, Chuyện làng Cuội)

(17) “*...Lo đủ điều lo. Bao nhiêu cái nỗi buồn lo dồn dập lại, có thể làm cho cô **đứt từng đoạn ruột**, **nát từng mảnh gan** đi được!...*”

(Sơn Vương, Chén cơm lạt của người thất nghiệp)

(18) “*...Ô hô! **Phấn lợt hương phai**, **hoa tàn nhụy rữa** cũng vì ham chồng Chết, tiếng đời mai mĩa, muôn kiếp nhuộm nhớ, cũng vì **chê chồng Việt Nam** là chẳng ra gì.*”

(Sơn Vương, Ai kén chồng)

(19) “*...Cho nên, khi tôi mới bắt tay vào làm việc, anh em nghĩ cho tôi là một kẻ điên rồ, mới đi làm cái việc **mò trắng đáy nước**, **lượm đá vá trời** như thế.*”

(Sơn Vương, Hồi kí Quần đảo Côn Sơn - Máu hòa nước mắt II)

(20) “*...Do đó, chúng tôi yêu nhau tha thiết và trở thành đôi bạn như: **Chìm liền cánh, như cây liền cành**, suốt đời khắng khít bên nhau **như hình với bóng**...*”

(Sơn Vương, Hồi kí Quần đảo Côn Sơn - Máu hòa nước mắt II)

(21) “*... Kể từ đó, cậu ta **như thuyền không lái**, **như ngựa không cương**, tha hồ cũng những thằng bạn lưu manh, đắm chìm trong cảnh bê tha trụy lạc!*”

(Sơn Vương, Hồi kí Quần đảo Côn Sơn - Máu hòa nước mắt II)

(22) “*...đám dân **cừu** trào ở đây sống trong những chuỗi ngày lặng lẽ trôi qua, cho đến ngày 3 tháng 6 dương lịch 1862, vì tình thế bức bách **chấu không chống nổi với xe**, **trứng không tài nào chọi đá**...*” (Sơn Vương, Hồi kí Quần đảo Côn Sơn - Máu hòa nước mắt II)

2.1.2. Vận dụng phối hợp thành ngữ không cùng nghĩa

Cách vận dụng này có thể xem là hình thức cải biến phối hợp ngữ. Dù các thành ngữ không cùng nghĩa nhưng sự vận dụng phối hợp chúng trong ngữ cảnh cũng góp phần tạo nên hiệu quả cao, tăng thêm sức thuyết phục của lời nói và cùng đề cập đến một chủ đề.

(23) “*Thế nhưng vì đang nợ nần người ta nên ông cũng **giấu nỗi lo**, có ý nói vụn vào, xúi cô Thương lấy chồng: “Con cũng lớn bộn rồi, **phải nơi phải chỗ** thì ưng quách đi, xa xa một chút nhưng còn mong có cơ hội đổi đời. Chứ ở đây thì trước sau gì **nghèo cũng gặp mặt**, khổ sở cả đời con à”.* (Phương Đông, Sông đêm)

Trong ngữ cảnh trên, nhân vật người cha đã dùng hai thành ngữ “*phải nơi phải chỗ*” ở câu đầu nhằm khuyên con gái đi lấy chồng xa cho đổi đời. Và để tăng thêm sức thuyết phục, ông dùng thêm

thành ngữ “*nghèo cũng gặp mặt*” để cảnh báo con gái. Thực tế nhân tiền mà ông và có thể con gái mình từng chứng kiến về cuộc sống nghèo khó ở quê nhà đã khiến cho lời nói vừa chân thành, chất phác vừa thực tế nên có sức thuyết phục cao.

(24) “*Cầm thử coi nặng không? Tay anh hùng mới cử nó được. Tạo ra lúa gạo, xuống chèo là nhờ nó. Nên nhà nên cửa, nên đất nên vườn, nên chồng nên vợ, xưng hùng xưng bá cũng nhờ nó*”. (Sơn Nam, Hương rừng)

Ngữ cảnh trên sử dụng phối hợp ba thành ngữ gần nghĩa “*nên nhà nên cửa*”, “*nên đất nên vườn*”, “*nên chồng nên vợ*” không chỉ chứng minh giá trị của công cụ lao động mà còn khẳng định sức mạnh tinh thần, lòng dũng cảm, sự can đảm của những lưu dân ngày đầu khai phá vùng đất Nam Bộ. Thành ngữ “*xưng hùng xưng bá*” được dùng liền sau đó không cùng nghĩa. Không cùng nghĩa nhưng vẫn tương hợp. Chính sự dũng cảm, tài trí, khí phách mà họ gây dựng cơ nghiệp và cũng từ đó tạo cho họ sự tự tin, niềm tự hào khi thể hiện, khẳng định mình.

Câu dưới đây, nhà văn sử dụng hai thành ngữ “*thất lưng buộc bụng*”, “*dài lưng tốn vải*”:

(25) “*Tôi thấy vợ con họ bây giờ giống như mấy bà hồi xưa thất lưng buộc bụng, gánh gạo đường xa để nuôi mấy ông đồ cho dài lưng tốn vải*” (Sơn Nam, Hình bóng cũ)

Hai thành ngữ không cùng nghĩa. “*Thất lưng buộc bụng*” để chỉ sự chật chiu, tiết kiệm; “*dài lưng tốn vải*” dùng để phê phán những người biếng nhác, thường là mấy cậu học trò hay ông đồ ngày xưa. Không cùng nghĩa nhưng góp phần nhấn mạnh nội dung biểu đạt. Tác giả đồng cảm, ca ngợi người phụ nữ và gián tiếp phê phán những ông chồng không biết lo cho gia đình vợ con, bỏ mặc người phụ nữ tảo tần, vất vả lo toan.

Hình thức này còn được Sơn Nam dùng trong ngữ liệu sau:

(26) “*Hai Lành chán ngán trò đời. Lão suy ngẫm:*

-... Xưa kia mình tưởng lầm rằng lão ta có máu giang hồ nghĩa hiệp. Mình đang lâm vào tình thế tấn thoái lưỡng nan, đã trót cỡi trên lưng cọp làm sao nhảy xuống”

(Sơn Nam, Xóm Bàu Láng)

Các thành ngữ này được tác giả vận dụng phối hợp có tác dụng nhấn mạnh thêm tình thế, hoàn cảnh mà nhân vật đối mặt cũng như sự thất vọng về đối tượng mà mình đã tin tưởng.

Trong một ngữ cảnh khác, nhà văn Sơn Nam đã phối hợp hai thành ngữ Hán Việt cùng một thành ngữ thuần Việt khi miêu tả:

(27) “*Để chứng tỏ mình là kẻ khiêm tốn, giáo Phép ngồi xuống, nghe đám anh hùng tư chiếng thuật lại những trận hô phong hoán vũ thất bại, lỗ cuời lỗ khóc*”.

(Sơn Nam, Đơn Hùng Tín chào đời)

Còn đây là lời thoại của nhân vật khi trở lại chốn xưa với những hoài niệm về một thời gian khổ. Bao trần trở, ray rứt, nhớ thương được thể hiện cô đọng qua cách sử dụng phối hợp thành ngữ của nhà văn:

(28) “*Này cô hồn các đảng - sống thì khôn thác thì thiêng. Những ai xa cây, xa cội, xa cành, đầu bãi cuối gành, hùm tha sáu bắt... Tôi tên là Đức, họ Trương, tuổi dần*”.

(Sơn Nam, Sông Gành Hào)

Các thành ngữ không cùng nghĩa “*sống khôn thác thiêng*”, “*đầu bãi cuối gành*”, “*hùm tha sáu bắt*” được vận dụng phối hợp đã miêu tả sinh động cuộc sống lủi thủi, cơ cực, hiểm nguy của những cư dân buổi đầu khai phá vùng đất Nam Bộ, đồng thời thể hiện sự trân trọng, biết ơn các bậc tiền nhân qua lời cầu nguyện của chú Tư.

Còn trong ngữ cảnh dưới đây, tác giả đã phối hợp các thành ngữ nhằm góp phần nhấn mạnh quy luật nhân quả của cuộc đời:

(29) “*Hoàng là thằng phá gia chi tử, thích moi tiền mẹ rồi lấy chiếc Dream II trốn ra thành phố ăn xài cho thỏa chí trường giả học làm sang. Tiếc thay, lão Sáu Lười Lam chuyên cắt cổ đám*

dân cày mạt hạng, nhưng ăn đôi mặc rét để bòn mót từng đồng, cuối cùng của thiên lại trả địa. Thằng con đem nường hết vào bài bạc và những đêm thành đế vương trong các quán bia ôm ở thành phố". (Nguyễn Kim Châu, Chì bán trầu)

Đó là chuyện về lão Sáu Lưỡi Lam “chuyên cắt cổ đám dân cày”. Ông ta “ăn đôi mặc rét”, hà tiện từng đồng để được giàu sang, phú quý nhưng cuối cùng lại trắng tay vì thằng con hư hỏng, chỉ biết tiêu xài, phá của. Nhân vật Hoàng với nhiều thói xấu: ăn chơi, đua đòi được miêu tả qua thành ngữ “phá gia chi tử” và “trưởng giả học làm sang”. Và hệ quả là “của thiên trả địa”. Điều này càng minh chứng cho quy luật nhân quả “Đời cha ăn mặn, đời con khát nước”. Nhờ vào các thành ngữ, câu chuyện kể tuy ngắn gọn nhưng lại giàu hình ảnh, sinh động và tăng thêm tính thuyết phục.

Vận dụng đúng, phù hợp thành ngữ khi giao tiếp đã đem đến giá trị biểu đạt cao. Vận dụng phối hợp thành ngữ trong một ngữ cảnh hẹp vừa làm tăng giá trị nội dung biểu đạt vừa tạo nên sự hài hòa, nhịp nhàng, cân đối, vốn là một nét đặc trưng trong cách nói của người Việt.

2.2. Vận dụng phối hợp tục ngữ

So với việc vận dụng thành ngữ, tần số vận dụng phối hợp tục ngữ có phần thấp hơn. Tuy nhiên, hình thức cũng có sự tương đồng, có nghĩa là xuất hiện ở hai dạng: phối hợp tục ngữ có cùng hoặc gần nghĩa và không cùng nghĩa.

2.2.1. Vận dụng phối hợp tục ngữ có cùng nghĩa hoặc gần nghĩa

Câu tục ngữ “cây có cội, nước có nguồn” và “chim có tổ, người có tông” (được cải biến thành *chim có tổ, cá có hang*) đều ngụ ý ai cũng có ông bà, cha mẹ; ai cũng có tổ tiên, nguồn cội nên phải biết yêu thương và có trách nhiệm với gia đình, Tổ quốc. Cả hai tục ngữ trên đã được Sơn Nam đưa vào ngữ liệu sau:

(30) “Không giúp nước được thì ít ra ông cũng phải biết những gì xảy ra đau buồn trong nước. **Cây có cội, nước có nguồn. Chim có tổ, cá có hang.** Đôi mắt già của ông Từ Thông ngẩn ngơ nhìn muôn lớp sóng cồn. Ông hồ thẹn, túi bảy phần mình không bằng con chim đỗ quyên đêm hè kêu khoắc khoải”. (Sơn Nam, Hòn Cổ Tron)

Sự phối hợp hai tục ngữ góp phần làm tăng thêm nỗi lòng quặn thắt, tâm trạng đau buồn xót xa của lão Từ Thông cũng như của chính tác giả về hoàn cảnh đất nước. Đứng trước thực trạng quê hương như vậy mà không giúp ích được gì, ông cảm thấy không bằng con chim đỗ quyên đêm đêm nhớ nước, kêu từng tiếng khắc khoải, da diết, nhớ thương. Nỗi đau lên đến đỉnh điểm đã làm cho đôi mắt lão nhòa đi.

Trong một ngữ cảnh khác, dù hai câu tục ngữ “Nước chảy, đá mòn”, “Kiến tha lâu đầy tổ” không đi liền nhau nhưng sự vận dụng phối hợp của nhà văn đã giúp cho lời nói có sức thuyết phục, đậm tính triết lý mà cũng rất gần gũi, mộc mạc:

(31) “Ở thầy phải viên chắc nhớ cái hình con kiến tha mồi! Văn chương nghe như đờn Nam Xuân: Nước mềm, đá rắn thế mà **nước chảy mãi đá cũng phải mòn**. Sợi dây nhỏ, cây gỗ lớn, vậy mà dây cưa mãi cũng đứt. Con kiến nhỏ, cái tổ to, thế mà **kiến tha lâu cũng đầy tổ**. Người ta cũng vậy...” (Sơn Nam, Tình nghĩa giáo khoa thư)

Nhà văn Lê Lựu cũng vận dụng phối hợp tục ngữ trong một số ngữ liệu sau:

(32) “Không thể đợi **rung chà cá nhảy, rút dây động rừng** một cách thông thường được. Phải “chôm ngay con cá to”. Phải diệt ngay “đầu não của nó” để “nó” không có khả năng tổ chức lực lượng chống phá.” (Lê Lựu, Chuyện làng Cuội)

Sự phối hợp câu “**rung chà cá nhảy**” và “**rút dây động rừng**” rõ ràng đã giúp cho lời văn thêm mạnh, giàu hình ảnh và tăng thêm sức thuyết phục của lời nói. Còn trong ngữ liệu dưới đây, hai tục ngữ “*Không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời*” và “*sông có khúc, người có lúc*” được tác giả phối hợp vận dụng để khẳng định một triết lý dân gian. Đời người có lúc thịnh, lúc suy; không nên quá bi quan nếu gặp cảnh ngặt nghèo và đừng vội tự mãn khi giàu sang, vinh hiển.

(33) “Nếu mỗi con người đều có số để **không giàu ba họ, không ai khó ba đời và sông có khúc, người có lúc** thì lúc này của đời hắn là có “**quí nhân phù trợ**” như anh tổ trưởng xưởng mộc, người dạy nghề nói.” (Lê Lựu, Sóng ở đáy sông)

Để nhấn mạnh bản chất xấu xa, không thay đổi thói hư tật xấu của nhân vật dù từng nhiều lần vào tù ra tội, tác giả đã phối hợp câu tục ngữ “**chứng nào tật nấy**” và “**ngựa vẫn quen đường cũ**” trong ngữ liệu sau:

(34) “**Đã nhiều lần hắn lĩnh án tù nhưng vẫn **chứng nào tật nấy, ngựa vẫn quen đường cũ**, hắn không từ bất cứ thủ đoạn bẩn thỉu và thô bỉ nào kể cả với người thân như cha đẻ của hắn**”.

(Lê Lựu, Sóng ở đáy sông)

Còn Trúc Phương dùng phối hợp cả ba câu: “**ở hiền gặp lành**”, “**ăn ít không bị ghen**”, “**biết rèn chân thì sẽ đi được xa**” khi nói về quy luật nhân quả của cuộc đời. Hai câu “**ăn ít không bị ghen**”, “**biết rèn chân thì sẽ đi được xa**” hiếm gặp trong các quyền suu tầm hoặc từ điển tục ngữ. Nhưng theo chúng tôi, đó cũng là cách nói của tục ngữ, và là cách nói của người dân Nam Bộ. Các người em của nhân vật tôi đã dùng cả ba câu tục ngữ để an ủi, động viên người anh nghèo khổ nhưng cũng có vẻ như chế giễu anh mình vì nhân vật này đã không thay đổi, vẫn khư khư giữ quan niệm lỗi thời trong khi thời thế nay đã lắm đổi thay:

(35) “**Mấy đứa em gái thì động viên ông anh khốn khó của nó bằng lời từ tâm của người theo đạo Phật “ở hiền gặp lành”, “ăn ít không bị ghen”, “biết rèn chân thì sẽ đi được xa” không dánh giá đến những khẩu hiệu Cách mạng đang bùng bùng khi thể lấp biển và trời của Tỉnh Cửu Long- Vĩnh Trà anh hùng suốt hai cuộc chiến tranh chống đế quốc thực dân và bây giờ đây đang chiến thắng trong cuộc chiến cuối cùng này.**” (Trúc Phương, Chứng từ gốc)

2.2.2. Vận dụng phối hợp tục ngữ không cùng nghĩa

Hình thức này chúng tôi mới chỉ ghi nhận được một trường hợp, tuy nhiên cách sử dụng cũng khá đặc biệt. Để thể hiện sự chi chiết, đay nghiến, “không tiếc lời mĩ mai” đối tượng được nói đến, tác giả đã sử dụng phối hợp những câu tục ngữ vừa thuần Việt, vừa Hán Việt; vừa sử dụng nguyên dạng vừa kết hợp cải biến:

(36) “**Nhưng ở đồng quê, chuyện gì xảy ra lần lần thiên hạ đều hay biết hết. Họ không tiếc lời mĩ mai con Bầy:**

- **Ừ, trời cao có mắt. Cao hơn tấc hữu cao hơn trượng, trào cao té nặng. Ngó cao đau ót**”.

(Sơn Nam, Con Bầy đưa đò)

2.3. Vận dụng phối hợp thành ngữ và tục ngữ

Hình thức vận dụng này không phổ biến, nhất là so với hình thức phối hợp thành ngữ. Nguyên nhân vì về mặt chức năng, cấu tạo và trong vận dụng chúng có sự khác biệt. Về cơ bản, thành ngữ có chức năng định danh, tục ngữ có chức năng thông báo; thành ngữ đại bộ phận có kết cấu một trung tâm, tục ngữ có kết cấu hai trung tâm; thành ngữ dùng làm một bộ phận của câu còn tục ngữ có khả năng độc lập tạo thành câu (cũng có khi dùng làm một bộ phận để tạo thành câu). Cách phối hợp vận dụng này cho thấy sự linh hoạt của người dùng cũng như tri nhận có phần không phân biệt về thành ngữ, tục ngữ, ví dụ như:

(37) “**Cuộc đời thực sự diễn ra từ những ngày tập tễnh bước vào nghề chụp giật, **ăn đầu sóng, nói đầu gió, tiền trao cháo múc** này.**” (Trúc Phương, Hoa nhò lan trắng)

Trong ngữ cảnh trên, tác giả dùng phối hợp thành ngữ “**ăn đầu sóng nói đầu gió**” vốn biểu đạt về tính cách để nhấn mạnh về môi trường kinh doanh khắc nghiệt với câu tục ngữ “**tiền trao, cháo múc**” khái quát về cách ứng xử, quy tắc trên thương trường. Sự phối hợp này góp phần phản ánh năng lực thích ứng hoàn cảnh và xử lý công việc của nhân vật, một tay buôn bán cả chợ đen lẫn chợ trắng mỗi ngày, giúp những phi vụ làm ăn của anh ta trôi lọt, và chưa đầy năm năm anh ta đã sang nhượng được căn hộ chung cư.

Cách vận dụng này có thể xem như dạng biến thể của hình thức phối hợp ngữ. Dù chức năng của hai đơn vị này khác nhau nhưng trong quá trình vận dụng, đôi khi chúng được xem như những ngữ tương đương mà các trường hợp dưới đây là minh chứng.

(38) *"Từ đây ả mặc sức quئن gió rủ trăng, ngựa quen đường cũ, đánh cho chết cái nết cũng chẳng chừa; sớm mận tối đào; mai nhàn chim; chiều lá gió."*

(Nguyễn Chánh Sắt - Nghĩa hiệp kỳ duyên)

Trong ngữ cảnh trên, *"quئن gió rủ trăng"*, *"sớm mận tối đào"*, *"mai nhàn chim, chiều lá gió"* là thành ngữ, còn *"Ngựa quen đường cũ"*, *"Đánh chết cái nết chẳng chừa"* là tục ngữ. Cách vận dụng ở đây khá đặc biệt và có vẻ phi logic. Nghĩa của hai đơn vị này không giống nhau. Thế mà tác giả lại dùng hòa lẫn vào trong lời văn của mình và người đọc vẫn thấy hợp. Khởi đầu là thành ngữ, tiếp đó là hai tục ngữ rồi đến hai thành ngữ. Ba thành ngữ gần nghĩa; hai tục ngữ cũng thế. Các thành ngữ thì dùng để miêu tả tính cách còn tục ngữ góp phần khẳng định bản chất của nhân vật.

Còn ngữ cảnh dưới đây thể hiện rõ sự khác biệt giữa thành ngữ và tục ngữ về mặt chức năng, cấu tạo và hình thức vận dụng. Chúng có mặt trong cùng một phát ngôn nhưng xuất hiện ở hai câu khác nhau. Thành ngữ *"chắc như cua gạch"* là một bộ phận của câu còn *"Ăn cỗ đi trước, lội nước theo sau"* thì độc lập tạo thành câu. Nội dung ngữ nghĩa khác nhưng chúng có sự phối hợp để thể hiện sự bức xúc, tức giận, phê bình đối với ông Bảy, người đang có tâm lí, thái độ chần chừ, dằn đo, cơ hội.

(39) *"Ông Bảy như lú lười:- Tôi...tôi chưa làm đơn chứ không phải không làm."*

- Còn chờ đợi cái gì? Chờ ngóng coi thiên hạ vô làm ăn thật **chắc như cua gạch**, anh mới xin vô? **Ăn cỗ đi trước, lội nước theo sau** à? Sao ngày trước ông không tính toán khôn đại, đại khôn kỳ cục mà nay ông sinh chứng vậy?" (Huỳnh Tâm Chí, Nghĩ kĩ đi hiền huynh)

Nhà văn Sơn Nam cũng dùng phối hợp thành ngữ, tục ngữ trong các câu khác nhau. Chỉ có điều, tục ngữ trong trường hợp này được vận dụng là một bộ phận của câu.

(40) *"Hai Khoánh cố che giấu sự khinh bỉ đối với anh chàng đại ca nhỏ nhen ấy. Nhưng gây gổ, giảng luận lí với kẻ giết đàn bà, con nít là điều ngu xuẩn, hơi đâu **khảy đòn vào tai trâu, mức nước đổ lá môn**. Phải **tương kế tựu kế**. Áp dụng triệt để câu: **quân tử tham tài tiểu nhân tham thực**..." (Sơn Nam, Cái va li bí mật)*

Các thành ngữ *"đàn khảy tai trâu"*, *"nước đổ lá môn"*, được tác giả cải biến, cùng phối hợp để nhấn mạnh thái độ khinh bỉ đối với "anh chàng đại ca" mà sự xấu xa, đã man đã thuộc về bản chất. Đây là loại người không còn biết tiếp nhận lẽ phải, có khuyên bảo, răn đe cũng hoài công. Chỉ có thể *"tương kế tựu kế"*! Sự phối hợp ba thành ngữ với câu tục ngữ Hán Việt *"Quân tử tham tài, tiểu nhân tham thực"* trong ngữ cảnh trên vừa thể hiện thái độ, tâm trạng của nhân vật vừa khẳng định một triết lí dân gian và có tính chất dự báo về hậu quả mà những kẻ bất nhân, phi nghĩa sẽ gánh chịu.

Cũng có trường hợp, trong cùng một câu ghép, thành ngữ là một bộ phận của vế thứ nhất, còn tục ngữ là vế thứ hai. Thành ngữ *"tắt lửa tối đèn"* xuất hiện ở vế thứ nhất (*hàng xóm láng giềng tắt lửa tối đèn có nhau*) góp phần khẳng định thêm giá trị biểu đạt của câu tục ngữ *"bán anh em xa, mua láng giềng gần"*.

(41) *"Mình chỉ có cái giấy viết tay cũng không hợp pháp lắm. Với lại, hàng xóm láng giềng **tắt lửa tối đèn có nhau**, **"bán anh em xa, mua láng giềng gần"** mà."* (Lê Lựu, Hai nhà)

3. Kết luận

Việc vận dụng ngôn từ rất đa dạng, phong phú. Các công trình nghiên cứu về biện pháp tu từ nói chung, biện pháp tu từ tiếng Việt nói riêng, chỉ có thể giới thiệu một cách khái quát chứ không thể nêu đầy đủ các hình thức cũng như sự vận dụng linh hoạt cùng giá trị biểu đạt cụ thể của chúng. Mỗi đơn vị từ ngữ khi được hiện thực hóa trong giao tiếp chỉ có một giá trị tu từ nhất định. Muốn miêu tả một sự vật, thái độ, tình cảm ở nhiều bình diện hoặc cung bậc khác nhau, cần phải huy động nhiều từ cùng nghĩa hoặc gần nghĩa. Cách vận dụng này được gọi là đồng nghĩa kép. Trong vận dụng ngôn

ngữ còn có trường hợp người dùng huy động những đơn vị ở cấp độ cao hơn. Đó là vận dụng phối hợp nhiều thành ngữ, tục ngữ. Các hình thức vận dụng thành ngữ, tục ngữ trong tác phẩm văn chương khá phong phú và đa dạng mà chúng tôi đã miêu tả ở trên. Chúng có thể là phối hợp các thành ngữ cùng nghĩa, gần nghĩa hoặc không cùng nghĩa; phối hợp các tục ngữ cùng nghĩa, gần nghĩa hoặc không cùng nghĩa; phối hợp thành ngữ và tục ngữ; vận dụng nguyên dạng hoặc cải biến. Do có trường hợp các thành ngữ, tục ngữ được dùng không cùng nghĩa, gần nghĩa nhưng có chung mục đích miêu tả hoặc cùng đề cập đến một chủ đề nên chúng tôi gọi là biện pháp *phối hợp ngữ*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Trọng Lạc (2012), *99 phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt*, Nxb Đại học Sư phạm.
2. Nguyễn Thái Hòa (2006), *Từ điển tu từ - phong cách học - thi pháp học*, Nxb Giáo dục.
3. Nguyễn Văn Nở (2012), *Phong cách học tiếng Việt*, Nxb Đại học Cần Thơ.
4. Cù Đình Tú (1983), *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
5. Nguyễn Như Ý, Nguyễn Văn Khang, Phan Xuân Thành (1994), *Từ điển thành ngữ Việt Nam*, Nxb Văn hóa - Thông tin.

Nguồn ngữ liệu

1. Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Cần Thơ (2003), Tuyển tập *Văn & Thơ Cần Thơ*, XN in Tổng hợp Cần Thơ.
2. Lê Lựu (2012), *Hai nhà*, Nxb Thanh niên.
3. Lê Lựu (2016), *Chuyện làng Cuội*, Nxb Dân Trí.
4. Lê Lựu (2021), *Sóng ở đáy sông*, Nxb Văn học.
5. Sơn Nam (2008), *Hương rừng Cà Mau*, Nxb Trẻ.
6. Nhiều tác giả (1999), *Truyện ngắn miền Tây* (tập 1), Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
7. Trúc Phương (2019), tập truyện ngắn *Chim không hát lúc bình minh*, Nxb Văn hóa và Nghệ thuật TP. Hồ Chí Minh.
8. Nguyễn Chánh Sắt (2002), *Nghĩa hiệp kỳ duyên*, Nxb Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh.
9. Nguyễn Q. Thắng (sưu tầm, nghiên cứu) (2007), *Sơn Vương - Nhà văn, người tù thế kỷ* (Tập 1 & 2), Nxb Văn học.

Phrase combination - forms of application (A survey through some literary works)

Abstract: In language use, we often employ many synonymous or near-synonymous words to emphasize content or express emotions, thoughts, and feelings with various nuances, forms, and perspectives regarding the same subject. This method of use is called the double synonym technique or word combination. The application of combinations for the above purposes occurs not only at the word level but also at higher levels. This includes the combination of idioms and proverbs, which we refer to as *phrase combinations*. Writers also frequently use this method in their compositions. Combining idioms and proverbs in literary works is quite diverse and flexible. In some cases, the idioms and proverbs used do not share the same or similar meanings, so we do not call this double synonym idioms or proverbs but rather *phrase combinations*.

Key words: phrase combinations; application; idioms; proverbs; literary works.